

Số: 54 /KH - UBND

Kiên Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2019

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện
và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)**

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số: 3141
	Ngày: 13/4/19
	Chuyên: Vu. DB
	Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 05-11-2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh nền kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 05-11-2016, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-TTg, ngày 24/01/2019, của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định CPTPP với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đầy đủ, đồng bộ có hiệu quả Hiệp định CPTPP.
- Nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và địa phương, các tổ chức, cá nhân hiểu về tầm quan trọng và sự tác động của Hiệp định CPTPP đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Yêu cầu

- Công tác triển khai thực hiện Hiệp định CPTPP phải có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và địa phương; giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và người dân.
- Thực hiện có hiệu quả việc phổ biến thông tin về chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc triển khai Hiệp định CPTPP.
- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế (KTQT) tận dụng tốt các cơ hội để mở rộng thị trường xuất khẩu khi triển khai Hiệp định CPTPP.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế là một chiến lược dài hạn nhằm giúp doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang nói riêng tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực, nâng cao năng lực xuất khẩu và sức cạnh tranh;

Nhằm tận dụng các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các cam kết trong Hiệp định CPTPP tạo nền tảng cho xuất khẩu và phát triển bền vững, trong thời gian tới cần tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP bằng nhiều hình thức: Thông qua các phương tiện truyền thông, trang thông tin điện tử, tổ chức tập huấn, hội thảo..., phù hợp cho các nhóm đối tượng, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ; đồng thời tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về một số lĩnh vực: Đầu tư, dịch vụ, hải quan, mua sắm công, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ, nông, lâm, ngư nghiệp, lao động, môi trường..., nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về nội dung cam kết cũng như các công việc cần triển khai để thực hiện Hiệp định CPTPP.

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo về thị trường xuất, nhập khẩu; thị trường trong nước để ứng phó với sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu; cung cấp cho doanh nghiệp những thông tin, yêu cầu về kỹ thuật, những quy định về quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa của các nước, đặc biệt là 10 thành viên còn lại thuộc Hiệp định CPTPP. Cử đơn vị đầu mối tiếp nhận thông tin về Hiệp định CPTPP nói riêng và các hiệp định thương mại tự do (FTA) nói chung từ Bộ Công Thương, các đơn vị có liên quan.

- Tăng cường quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Việt Nam nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng trên trường quốc tế, góp phần củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác với tổ chức quốc tế và địa phương nước ngoài.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch của tỉnh trong việc cung cấp thông tin về thương mại, đầu tư, xúc tiến phục vụ doanh nghiệp.

2. Hoàn thiện pháp luật, thể chế

- Triển khai, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ khác của Việt Nam khi tham gia Hiệp định CPTPP. Áp dụng trực tiếp các cam kết đã đủ rõ, đủ chi tiết được quy định trong Phụ lục 2 Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định CPTPP và các văn kiện có liên quan.

- Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của tỉnh để chủ động thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ

sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới đảm bảo phù hợp với Hiệp định CPTPP. Cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đầu mối của Việt Nam tham gia Hiệp định CPTPP tại các Bộ, ngành, để đảm bảo việc thực thi được hiệu quả.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và phát triển nguồn nhân lực

Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh theo Chương trình hành động số 210/CTr-UBND, ngày 18/5/2017, của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 05/11/2016, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), về một số chủ trương, chính sách lớn tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh nền kinh tế; Kế hoạch số 123/KH-UBND, ngày 20/7/2018, của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc thực hiện Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP, ngày 15/5/2018, của Chính phủ, về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Trong đó chú trọng:

- Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị - Hành chính công (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) gắn với thực hiện hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; đồng thời triển khai các biện pháp liên kết trong sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, thực hiện nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh góp phần hình thành và phát triển chuỗi cung ứng phù hợp với cam kết quốc tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, thực hiện quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống một cửa điện tử tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát các tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp với cam kết quốc tế hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Nâng cao năng lực thực phòng vệ thương mại trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn chuyên giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo lộ trình.

- Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu các tổ chức tín dụng và thanh toán không dùng tiền mặt đã được Chính phủ phê duyệt; triển khai kịp thời và chỉ đạo việc thực hiện chính sách tiền tệ trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra việc thực hiện các tỷ

lệ an toàn và các chuẩn mực trong hoạt động kinh doanh quản trị ngân hàng theo yêu cầu tiến trình hội nhập.

- Thực hiện có hiệu quả điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, có xét đến năm 2030 tập trung cơ cấu lại công nghiệp làm nền tảng phát triển nông nghiệp theo mô hình tiên tiến, an toàn, thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục triển khai chương trình phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu; chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Hàng năm xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục triển khai mô hình hợp tác xã kiểu mới trong đó chú trọng nâng cao nguồn nhân lực hợp tác xã góp phần thực hiện tốt Luật Hợp tác xã năm 2012 trên cơ sở mang lại lợi ích cho thành viên, thông qua việc cam kết cung ứng và tiêu thụ sản phẩm.

- Triển khai kế hoạch xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung vào các quốc gia ký kết Hiệp định CPTPP góp phần nâng cao sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kỹ thuật - công nghệ, luật, tài chính... Tăng cường đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

4. Nâng cao hiệu quả của các tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở, doanh nghiệp

- Rà soát, áp dụng các quy định pháp luật về tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

- Tiếp tục phát huy vai trò đại diện, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động phù hợp với các nguyên tắc của Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO.

5. Thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Đẩy mạnh việc triển khai các biện pháp chống lại các hành vi đánh bắt thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Tăng cường các biện pháp bảo tồn, bảo vệ các loài động thực vật hoang dã bị khai thác trái phép, xử lý nghiêm minh khi phát hiện sai phạm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 và những năm tiếp theo, phấn đấu trong giai đoạn này tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1%/năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp về Luật Bảo vệ môi trường; tăng cường công tác kiểm tra và xử lý ngay các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường. Đồng thời quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; thực hiện có hiệu quả Đề án “Bảo vệ môi trường và hệ sinh thái đặc thù giai đoạn 2017-2020”.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao cho Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan tham mưu giúp Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh theo quy định.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Nguồn từ ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền bố trí giao trong dự toán hàng năm cho các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị theo tiêu chuẩn định mức và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh; nguồn xã hội hóa của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và nguồn huy động hợp pháp khác.

- Sở Tài chính, trên cơ sở dự toán kinh phí hàng năm, bố trí kinh phí cho các sở, ban, ngành tham mưu, triển khai thực hiện theo quy định để hoàn thành các nhiệm vụ đề ra.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và phát triển nguồn nhận lực góp phần thực hiện tốt Kế hoạch này.

4. Trên cơ sở những nội dung được giao trong Kế hoạch này; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công (Phụ lục Danh mục những công việc cần triển khai thực hiện đính kèm); các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện; đồng thời cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hàng năm và từng giai đoạn phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh, thông qua Sở Công Thương để tổng hợp theo quy định.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế; các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh, thông qua Sở Công Thương, để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nhsuong

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 54 /KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Kiên Giang)

S TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Công tác thông tin, tuyên truyền				
1.1	Tổ chức thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức về Hiệp định CPTPP, các cơ hội và thách thức từ Hiệp định CPTPP mang lại đến các sở, ngành, địa phương và các thành phần kinh tế liên quan.	Sở Công Thương	Bộ Công Thương và các viện, trường	Hội thảo, các lớp tập huấn; chương trình tuyên truyền trên sóng phát thanh truyền hình	Hàng năm
1.2	Tăng cường dự báo thông tin về thị trường trong nước, thị trường xuất nhập khẩu đến các sở, ngành, địa phương và các thành phần kinh tế liên quan chủ động ứng phó với sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu. Cử đơn vị đầu mối tiếp nhận thông tin về Hiệp định CPTPP nói riêng và các Hiệp định thương mại tự do (FTA) nói chung từ Bộ ngành liên quan	Tổ nghiên cứu, phân tích và dự báo giá cả thị trường	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Thông tin báo cáo giá	Hàng năm
1.3	Triển khai thực hiện Kết luận số 16-KL/TW ngày 14-02-2012 của Bộ Chính trị về “Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại, giai đoạn 2011-2020”.	Ban Chỉ đạo Cơ quan TT về công tác thông tin đối ngoại	Các sở, ban, ngành, và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
1.4	Ban hành danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng của tỉnh để giới thiệu đến các tham tán thương mại thuộc các nước tham gia	Trung tâm XTDTTM và DL	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Các áp phích, thiết bị lưu trữ ngoại vi...	Hàng năm

S TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	Hiệp định TPPCPP và các tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế khác.				
2	Công tác hoàn thiện pháp luật, thể chế				
2.1	Triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ khác của Việt Nam khi tham gia Hiệp định CPTPP chủ trương Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định CPTPP và các văn bản có liên quan	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
2.2	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3	Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực				
3.1	Triển khai Kế hoạch số 97/KH-UBND, ngày 18/5/2018, của UBND tỉnh Kiên Giang, về nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) tỉnh Kiên Giang năm 2018 và những năm tiếp theo	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
	Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (Chương trình hành động số 210/CTr-UBND, ngày 18/5/2017, của UBND tỉnh; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 20/7/2018, của UBND tỉnh Kiên Giang, về thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	Sở Kế hoạch – Đầu tư	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIẠN THỰC HIỆN
3.2	Triển khai Kế hoạch số 60/KH-UBND, ngày 06/3/2018, của UBND tỉnh Kiên Giang, về nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.3	Triển khai Chương trình hành động số 319/Ctr-UBND, ngày 26/8/2016, của UBND tỉnh Kiên Giang, về triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016, của Chính phủ, về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.4	Triển khai quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang và Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.5	Triển khai Kế hoạch 153/KH-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp với các doanh nghiệp đến năm 2020 tỉnh Kiên Giang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.6	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống một cửa điện tử tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

S TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
3.7	Triển khai Thông tư 06/2018/TT-BCT ngày 20/4/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại; rà soát các biện pháp kỹ thuật phù hợp với cam kết quốc tế hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.8	Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn chuyên giao về SCIC doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo lộ trình	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.9	Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu các TCTD và thanh toán không dùng tiền mặt đã được Chính phủ phê duyệt.	NHNN Chi nhánh Kiên Giang	NHNN Việt Nam, các NHTM và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Báo cáo	Hàng năm
3.10	Triển khai Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, có xét đến 2030.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.11	Tiếp tục triển khai Chương trình 272/CT-UBND ngày 13/7/2016 về phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.12	Triển khai thực hiện Chương trình: phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014-2020; phát triển thương mại điện tử tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020 hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu năng cao năng lực cạnh tranh	Sở Công Thương	Bộ Công Thương, các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

S TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIẠN THỰC HIỆN
3.13	Tiếp tục triển khai Dự án nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020; Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020(Quyết định 1688/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.14	Tiếp tục triển khai mô hình hợp tác xã kiểu mới giai đoạn 2016-2020 và nâng cao năng lực nguồn nhân lực hợp tác xã góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu.	Liên minh Hợp tác xã	Hội Nông dân, các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.15	Tiếp tục triển khai Kế hoạch 88/KH-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.	Trung tâm XTĐT TMDL	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
3.16	Triển khai Kế hoạch 44/KH-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.17	Tiếp tục triển khai Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định 1817/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang).	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4	Nâng cao hiệu quả của các tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp				

S TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
4.1	Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động 902/CT-LĐLĐ ngày 24/8/2016 của Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ X và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng nhiệm kỳ 2015-2020 tiếp tục phát huy vai trò đại diện, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.	Liên Đoàn lao động	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4.2	Triển khai Đề án “Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn trong doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong tình hình mới”.	Liên Đoàn lao động	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp và đơn vị liên quan	Đề án	Hàng năm
5	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, giải quyết tốt các vấn đề xã hội				
5.1	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch hành động Quốc gia nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.2	Triển khai Kế hoạch 111/KH-UBND ngày 27/9/2016 về giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.3	Triển khai Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 30/5/2013	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm